

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN,
TỔ CHỨC NGÀY 01/12/2024

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Khắc An	Nam	01/9/1987	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	3607/QĐ625/2024	TH010411	
2	Lữ Thị Lan Anh	Nữ	03/5/1993	Nghệ An	Thái	5.3	5.5	3608/QĐ625/2024	TH010412	
3	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	02/5/2000	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	3609/QĐ625/2024	TH010413	
4	Bùi Thị Thu Bình	Nữ	12/01/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	3610/QĐ625/2024	TH010414	
5	Nguyễn Văn Đàn	Nam	22/5/2003	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	3611/QĐ625/2024	TH010415	
6	Lang Thị Mỹ Hào	Nữ	02/02/1995	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	3612/QĐ625/2024	TH010416	
7	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	14/8/1996	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	3613/QĐ625/2024	TH010417	
8	Ngô Thị Khánh Ly	Nữ	27/9/2002	Nghệ An	Kinh	7.0	7.5	3614/QĐ625/2024	TH010418	
9	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	25/3/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	3615/QĐ625/2024	TH010419	
10	Đinh Thị Yến Ngân	Nữ	19/11/2003	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.5	3616/QĐ625/2024	TH010420	
11	Bùi Thị Diệu Ngọc	Nữ	19/7/2003	Hòa Bình	Mường	6.3	6.5	3617/QĐ625/2024	TH010421	
12	Bùi Thảo Nguyên	Nữ	04/3/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.0	3618/QĐ625/2024	TH010422	
13	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	28/10/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	3619/QĐ625/2024	TH010423	
14	Phạm Thị Nhung	Nữ	03/3/2002	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	3620/QĐ625/2024	TH010424	
15	Võ Thị Oanh	Nữ	10/4/1999	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.0	3621/QĐ625/2024	TH010425	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
16	Trần Thị Lâm Oanh	Nữ	08/5/1998	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	3622/QĐ625/2024	TH010426	
17	Nguyễn Hoàng Quân	Nữ	23/4/1998	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	3623/QĐ625/2024	TH010427	
18	Tạ Thị Huyền Sâm	Nữ	25/02/2003	Nghệ An	Kinh	7.7	7.0	3624/QĐ625/2024	TH010428	
19	Ngân Đức Thiện	Nam	06/10/1996	Thanh Hóa	Thái	6.0	9.0	3625/QĐ625/2024	TH010429	
20	Chu Thị Thu	Nữ	30/11/1987	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	3626/QĐ625/2024	TH010430	
21	Nguyễn Thị Thương	Nữ	25/02/1997	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	3627/QĐ625/2024	TH010431	
22	Nguyễn Thị Trà	Nữ	08/4/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	3628/QĐ625/2024	TH010432	
23	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	24/8/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.5	3629/QĐ625/2024	TH010433	

